

Số: 91/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 5, 212, 213, 149 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 17 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ A, khu H, phường C, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 034082010788, cấp ngày: 11/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an;

2. Chị **Đào Thị Hương G**, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ A, khu H, phường C, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước số: 022184004857, cấp ngày: 07/10/2024, nơi cấp: Bộ Công an.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/3/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cùng thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 28/7/2006 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 08/3/2012. Con chung Nguyễn Hữu H đã thành niên, phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh chị thống nhất: chị G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Hữu K đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị G đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G xác định không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G thỏa thuận: Anh T và chị G mỗi người nộp một nửa lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G.

- Về con chung: Chị Đào Thị Hương G có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 08/3/2012 cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị G đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T và chị G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị Hương G thỏa thuận mỗi người nộp một nửa lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000795 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh T và chị G đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm